

Số: 782 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh - Dương Đức”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 439/TTr-TNMT ngày 01/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Tuyến đường trục kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh - Dương Đức” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Tân Thanh và xã Dương Đức, huyện Lạng Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Tân Thanh; UBND xã Dương Đức; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG TRỰC KẾT NỐI TỪ THỊ TRẤN VÔI
ĐI XÃ TÂN THANH - DƯƠNG ĐỨC**
(kèm theo Quyết định số 782 /QĐ-UBND ngày 04 /8/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Tuyến đường trực kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh - Dương Đức.

- Địa điểm thực hiện: Tại các xã Tân Thanh, xã Dương Đức, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lạng Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện các xã Tân Thanh và xã Dương Đức, huyện Lạng Giang.

Đầu tư xây dựng tuyến đường trực kết nối từ thị trấn Vôi đi xã Tân Thanh - Dương Đức theo định hướng quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Lạng Giang. Điểm đầu Km0+00 giao tại ngã ba giữa Tuyến đường trực kết nối từ khu đô thị phía Tây thị trấn Vôi với ĐT295 và Tuyến đường nối từ ĐT292 qua KCN An Hà, huyện Lạng Giang đến đường vành đai Đông Bắc thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Điểm cuối tại Km4+020 (theo lý trình cộng dồn của 3 đoạn tuyến) giao tại ngã ba tuyến đường trực kết nối từ đường huyện Nghĩa Hưng - Dương Đức đi UBND xã Dương Đức và tuyến đường trực Nghĩa Hưng – Dương Đức tạo thành ngã tư thuộc xã Dương Đức, huyện Lạng Giang. Tuyến có tổng chiều dài khoảng 4,02 km, gồm 03 đoạn như sau:

+ Đoạn tuyến 1: Chiều dài $L_1=1.784,70\text{m}$: Điểm đầu: Km0+00 nối tiếp và kết nối vào điểm cuối dự án Tuyến đường trực kết nối từ khu đô thị phía Tây thị trấn Vôi với ĐT.295; điểm cuối Km1+784,7 tại khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh.

+ Đoạn tuyến 2: Chiều dài $L_2=792,05\text{m}$: Điểm đầu Km0+00 nối tiếp vào điểm cuối đoạn tuyến 1, tại khu dân cư Mải Hạ, xã Tân Thanh; Điểm cuối Km0+792 giao cắt với dự án Tuyến đường trực từ thị trấn vôi đi đường Nghĩa Hưng- Tiên Lục- Dương Đức (tại Km4+240).

+ Đoạn tuyến 3: Chiều dài $L_3=1.449,02\text{m}$: Điểm đầu Km0+00 giao cắt với dự án Tuyến đường trực từ thị trấn vôi đi đường Nghĩa Hưng- Tiên Lục- Dương Đức (tại Km4+625); điểm cuối Km1+449 kết nối với tuyến đường trực kết nối từ đường huyện Nghĩa Hưng - Dương Đức đi UBND xã Dương Đức và giao cắt với tuyến đường trực Nghĩa Hưng - Dương Đức tạo thành ngã tư thuộc xã Dương Đức, huyện Lạng Giang.

- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng công trình theo quy mô đường cấp III- đồng bằng, bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 12,0\text{m}$, bề rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 11,0\text{m}$, bề rộng lề đất $0,5 \times 2 = 1,0\text{m}$. Trên tuyến dự kiến xây dựng 01 cầu vượt kênh tại Km1+176.32 đoạn tuyến 3, Cầu gồm 1 nhịp giản đơn dầm I bê tông cốt thép dự ứng lực $L=24\text{m}$.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nền đường, mặt đường, công trình thoát nước, công trình cầu, hệ thống điện chiếu sáng và an toàn giao thông.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 9,5ha (diện tích khoảng 9,5ha là diện tích theo kết quả khảo sát, đo đạc thực tế; theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2022 thì diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của dự án là 9,9ha).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 13,3ha đất, chủ yếu là đất canh tác nông nghiệp, đất ao hồ và một phần diện tích đất ở, đất trồng cây lâu năm.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, tháo dỡ công trình hiện trạng,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động đào, đắp các hạng mục công trình; từ quá trình vận chuyển; từ việc sử dụng nhiên liệu cho động cơ đốt trong; từ quá trình hàn; từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm, tưới nhựa dính bảm,...

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng dự án; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; Chất thải từ hoạt động đào đắp san nền, đào móng công trình và chất thải rắn xây dựng thông thường là các chất rắn có khả năng tái chế như sắt, thép vụn, bao bì carton sạch,... và các loại chất thải khác như đất đá, xi măng rơi vãi,...

+ Chất thải nguy hại gồm giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; ắc ụ, pin thải, que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang thải...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của dòng xe vận hành trên tuyến

+ Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của dòng xe vận hành trên tuyến;

+ Phát sinh chất thải rắn từ quá trình vệ sinh mặt đường.

+ Sự cố tai nạn giao thông trong quá trình vận hành dòng xe

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án: Phát sinh vào những ngày mưa to, chảy tràn kéo theo chất bẩn, vật liệu rơi vãi trên đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 02 m³/ngày.đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Nitơ, tổng phốt pho, Amoni, Coliform...

+ Nước thải thi công phát sinh khoảng 4,9 m³/ngày; thông số ô nhiễm đặc trưng là Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, dầu mỡ,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi từ hoạt động đào, đắp các hạng mục công trình, từ quá trình bốc dỡ tập kết nguyên vật liệu, vệ sinh mặt đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng và đổ thải; từ máy móc thi công xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi, CO, SO₂, NO₂, VOC_s.

+ Khí thải từ quá trình hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Khí thải từ hoạt động trải thảm bê tông nhựa có thông số ô nhiễm đặc trưng là VOC_s.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống tập trung của công nhân thi công xây dựng khoảng 20kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường

+ Thực vật phát quang khoảng 4,75 tấn; từ phá dỡ công trình hiện trạng phát sinh khoảng 731,81 tấn. Thành phần chủ yếu là cây cối, hoa màu, gạch, bê tông vỡ, sắt thép,...

+ Đất đào, bóc hữu cơ thải từ quá trình đào đắp, san nền phát sinh khoảng 34.257 m³.

+ Chất thải là vật liệu xây dựng dư thừa như cát, đá, gạch, vữa, gỗ ván, đầu mẩu cáp, bao bì carton, nilon,... phát sinh khoảng 0,54 tấn/ngày.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải, que hàn thải,... phát sinh khoảng 33,7 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án, vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực; tác động đến hệ thống nước mặt của khu vực; tác động do việc dịch chuyển sân vận động,...

- Tác động do sự cố như: Nổ bom mìn còn sót lại; Tai nạn lao động; Sự cố cháy nổ; Tai nạn giao thông; Sự cố ngập úng, bồi lắng, trượt, sụt lở, xói mòn; Nguy cơ lún nứt các công trình lân cận; Nguy cơ hư hỏng mặt đê, thân đê do quá trình vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ dự án đi qua và khả năng thoát lũ tại lưu vực kênh Đức Mại; Tác động vùng sản xuất nông nghiệp lân cận của dự án; sự cố lũ lên khi thi công đường, cầu trong lòng kênh Đức Mại...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt đường cuốn theo các chất bẩn như đất, bụi cát, dầu mỡ bám trên mặt đường,...vào đường thoát nước của công trình. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Bụi, khí thải: Khí thải từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO_x, SO₂, VOC...;

3.2.2. Chất thải rắn

Chất thải rắn phát sinh bao gồm lượng chất thải rắn thu gom trong quá trình vệ sinh mặt đường và bùn cặn phát sinh từ công tác nạo vét định kỳ hệ thống thoát nước mưa của công trình.

3.2.3. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội khu vực, phát triển giao thông sẽ đẩy mạnh phát sinh kinh tế xã hội.

- Tác động do sự cố như: Sự cố sụt lún, ngập úng; Sự cố tai nạn giao thông trong quá trình vận hành dòng xe; Các rủi ro về thiên tai, nguy cơ trượt lở trong mùa mưa,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 03 nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa nước thải 1.200 lít/nhà. Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn cặn, nước thải mang đi xử lý (tần suất khoảng 02 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy).

- Nước thải thi công

+ Từ khu vực rửa xe: Bố trí rãnh thoát nước B300 tạm thời để thu gom nước thải lẫn dầu về bể lắng tách, xử lý dầu có dung tích 16 m³ (4mx2mx2m) đặt tại khu vực cầu rửa xe. Lượng nước thải này sẽ được lắng cặn và tái sử dụng để cho công tác phối trộn vữa, bê tông, rửa máy móc, thiết bị.

+ Nước rửa cốt liệu bê tông được tái sử dụng cho như trộn vữa.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí hệ thống thoát nước dọc tuyến và máy bơm nước để thoát nước khi trời mưa to. Thường xuyên khơi thông dòng chảy theo địa hình tự nhiên nhằm khống chế tình trạng ứ đọng, ngập úng tần suất khơi thông 01 lần/tuần và trước các đợt mưa lớn.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thực hiện phun nước tưới ẩm để dập bụi với tần suất tùy thuộc vào giai đoạn thi công xây dựng như sau:

+ Từ hoạt động đào đắp, san nền: Tần suất phun nước tưới ẩm khoảng 02 lần/ngày và có thể tăng lên 4 - 6 lần/ngày vào các ngày hanh khô, gió mạnh trên khu vực tập kết đất đắp, vật liệu xây dựng và trong quá trình lu lèn nền đường.

+ Từ hoạt động vận chuyển: Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất, đá thải và vật liệu xây dựng 01 lần/ngày, tăng tần suất lên 4 - 5 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng, chiều dài tuyến đường phun nước trong phạm vi 1km từ vị trí dự án.

+ Từ quá trình thi công lớp cấp phối đá dăm: Tần suất khoảng 4 lần/ngày, đặc biệt là vào những ngày thời tiết khô hanh trước khi quét dọn.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công tại công trường như quần áo bảo hộ, mũ bảo hộ, ủng bảo hộ,...

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn, độ rung và khói thải ở mức thấp nhất.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít tại khu vực lán trại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Chất thải thi công xây dựng:

+ Từ quá trình phát quang thực vật: Cho người dân tận dụng tối đa, phần còn lại được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Các loại chất thải rắn thi công có thể tái chế, tái sử dụng như sắt thép dư thừa, bao bì,... được thu gom, bán cho cho các đơn vị, cá nhân thu mua. Cốp pha bằng gỗ được bán để làm nhiên liệu đốt.

+ Chất thải rắn phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng và từ hoạt động đào đắp nền đường, thi công hệ thống thoát nước sau cân bằng đào đắp: Vận chuyển đến bãi đổ thải tại khu cống Lang thôn Thuận, diện tích bãi thải khoảng 8.000m², chiều cao đống thải khoảng 4,5m, lượng chất thải có thể tiếp nhận của bãi thải khoảng 36.000 m³. Cự ly đổ thải khoảng 1,5km.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 06 thùng phuy chứa loại dung tích 100 lít đặt tại khu vực lưu giữ tạm thời để lưu giữ chất thải nguy hại CTNH đặt trong kho có mái che, nền xi măng, diện tích 10m², có biển cảnh báo. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 01 năm/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch thi công hợp lý, các thiết bị gây tiếng ồn lớn không được hoạt động trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Trang bị bảo hộ lao động hạn chế hoặc chống ồn như mũ bảo hiểm, chụp tai...cho công nhân thi công trên công trường.

- Đối với các thiết bị có độ ồn lớn, chống rung lan truyền bằng dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn hay gối đàn hồi cao su...

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương phân luồng giao thông kịp thời trên các phương tiện trên các thông tin công cộng của địa phương để tránh ùn tắc giao thông.

- Bố trí thời gian thi công, vận chuyển phù hợp, hạn chế phương tiện vận tải tham gia giao thông vào các giờ cao điểm, đồng thời không vận chuyển vào ban đêm.

- Đối với công nhân từ nơi khác đến, lưu trú tại khu vực dự án phải đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước tạm, kịp thời khơi thông, nạo vét khi xả ra sự cố ngập úng.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với nước mưa chảy tràn

- Đảm bảo khả năng tiêu thoát nước bằng cách thường xuyên nạo vét, khơi thông tránh tình trạng nước tù đọng.

- Kiểm tra thường xuyên các xe chở quá tải, chở vật liệu độc hại về mức độ an toàn khi vận chuyển

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo mặt đường, biển báo, biển hiệu không bị hư hỏng, hoạt động không đúng chức năng.

- Trồng và chăm sóc cây xanh trên vỉa hè, yêu cầu đơn vị vận chuyển trên tuyến đường nếu xảy ra rơi vãi vật liệu xây dựng thực hiện ngay việc thu gom và vệ sinh trả lại mặt bằng sạch sẽ có tuyến đường.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn

Tuyên truyền, yêu cầu người dân không vứt rác sinh hoạt ra lòng đường bằng cách lắp đặt các biển cấm làm ảnh hưởng tới mỹ quan và môi trường sống tại khu vực.

4.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Đặt các biển báo quy định tải trọng xe tối đa được phép lưu thông trên tuyến đường.

- Tăng cường công tác kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời, triệt để các sự cố đối với công trình ngầm gây lún sập mặt đường.

- Khi xảy ra sự cố lún sập mặt đường phải nhanh chóng phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai, thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình trên tuyến, đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy trình và nghiệm thu theo quy định hiện hành.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (chủ dự án thực hiện)

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng; 01 vị trí tại khu vực cuối hướng gió, cách điểm thi công khoảng 20m.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

* Nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại kênh Đức Mai - đoạn dự án đi qua.

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, Ôxy hòa tan (DO), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng dầu mỡ, Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2015/BTNMT, cột B.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác đối với chủ dự án

- Thực hiện đúng, đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật hiện hành khác trong quá trình thực hiện dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 439/TTr-TNMT ngày 01/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án./.